

Đáp án

1-C	2-B	3-A	4-D	5-C	6-B	7-B	8-B	9-B	10-D
11-A	12-A	13-B	14-B	15-D	16-B	17-A	18-B	19-A	20-D
21-C	22-A	23-A	24-B	25-C	26-B	27-D	28-A	29-B	30-D

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Question 1: Đáp án C

Cấu trúc: expect sb to do sth (mong đợi ai làm gì)

Dịch nghĩa: Bạn không mong đợi là tôi sẽ tin rằng bạn đã thực sự gặp John đúng không?

Question 2: Đáp án B

Cấu trúc: agree to do sth (đồng ý cái gì)

Dịch nghĩa: Mary đồng ý đến rạp xiếc với Ann

Question 3: Đáp án A

Cấu trúc: permit sb to do sth (cho phép ai làm gì)

Dịch nghĩa: Bác sĩ không cho phép tôi ăn thịt đỏ

Question 4: Đáp án D

Cấu trúc: decide to do sth (quyết định làm gì) / let sb do sth (cho phép ai làm gì)

Dịch nghĩa: Nếu bạn quyết định bán chiếc xe này, hãy báo cho tôi biết nhé

Question 5: Đáp án C

Cấu trúc: refuse to do sth (từ chối làm gì)

Dịch nghĩa: Tom từ chối cho địa chỉ của mình

Question 6: Đáp án B

Cấu trúc: plan to do sth (có kế hoạch làm gì)

Với vế sau nối bằng các liên từ “and,or...” ta chỉ cần dạng nguyên mẫu không to vì đằng trước đã có “to”

Dịch nghĩa: Bạn có kế hoạch ra ngoài hay ở nhà tuần tới ?

Question 7: Đáp án B

Cấu trúc: intend to do sth (có ý định làm gì)

Dịch nghĩa: Tôi ý định nói cho cô ấy những gì tôi nghĩ

Question 8: Đáp án B

Cấu trúc: allow sb to do sth (cho phép ai làm gì)

allow doing st (cho phép việc gì)

Dịch nghĩa: Nhà sinh học không cho phép chúng tôi hút thuốc trong phòng thí nghiệm

Question 9: Đáp án B

Cấu trúc: promise to do sth (hứa làm gì)

help sb do st: giúp ai làm gì

Dịch nghĩa: Giáo viên hứa sẽ giúp tôi chuẩn bị cho kì thi sắp tới

Question 10: Đáp án D

Cấu trúc: can + Vinf

show sb how to do sth (chỉ ai làm thế nào)

Dịch nghĩa : Ai đó chỉ cho tôi làm thế nào để chuyển thẻ phim từ những bức ảnh với ?

Question 11: Đáp án A

Cấu trúc: let sb do sth (cho phép ai đó làm gì)

Dịch nghĩa: Chúng tôi không cho phép bạn biết những gì chúng tôi đang nói với anh ấy

Question 12: Đáp án A

Sau modal verb SHOULD ta dùng động từ nguyên mẫu không TO.

Dịch nghĩa: Nếu bạn muốn biết thành phố được tạo dựng như thế nào, bạn nên đi xuống thị trấn và khám phá bờ sông.

Question 13: Đáp án B

make somebody V: khiến ai làm gì

Dịch nghĩa: CÓ điều là những đám cưới khiến tôi buồn ngủ.

Question 14: Đáp án B

force somebody to V: bắt ai làm gì

Dịch nghĩa: Bất kì ai cũng không thể bắt cô ấy làm điều mà cô ấy không đồng tình.

Question 15: Đáp án D

had better = should + V: nên làm gì

DO không nhấn mạnh sự tiếp diễn của hành động nên ta không dùng "be staying".

Dịch nghĩa: Bạn nên ở nhà đến khi thấy đỡ hơn.

Question 16: Đáp án B

have somebody V: nhờ, thuê ai làm gì

Dịch nghĩa: Tôi thuê người thợ máy sửa xe đạp giùm.

Question 17: Đáp án A

let somebody V: để, cho phép ai làm gì

Dịch nghĩa: Tôi nghĩ mẹ bạn nên để bạn tự quyết định

Question 18: Đáp án B

warn somebody not to V: cảnh báo ai không nên làm gì.

Dịch nghĩa: Nhân viên bảo vệ cảnh báo chúng tôi không nên bơi quá xa khỏi bờ.

Question 19: Đáp án A

see somebody V: thấy ai làm gì

Dịch nghĩa: Tôi thấy bạn bỏ chìa khóa vào túi mà.

Question 20: Đáp án D

Hear somebody V: nghe thấy ai làm gì

Dịch nghĩa: Tôi có thể nghe thấy con mèo đang cào ở cửa sổ.

Question 21: Đáp án C

Câu có trợ động từ DID để nhấn mạnh rồi nên ta dùng động từ nguyên mẫu không TO.

Dịch nghĩa: Cô ta đã lấy trộm tiền. Tôi nhìn thấy mà.

Question 22: Đáp án A

enable somebody to V: cho phép, tạo điều kiện cho ai làm gì

Do không nhấn mạnh tính hoàn thành nên ta không dùng "to have created".

Dịch nghĩa: Phần mềm này cho phép bạn có thể tạo ra được DVD cho riêng mình.

Question 23: Đáp án A

To V có thể dùng như chủ ngữ đứng đầu câu

Sau modal verb HAVE TO ta dùng động từ nguyên mẫu không TO.

Dịch nghĩa: Để đạt điểm cao trong kì thi, bạn phải học chăm chỉ hơn nhiều.

Question 24: Đáp án B

to V có thể dùng như một vị ngữ.

Dịch nghĩa: Thứ mà cô ta luôn hứa nhưng không bao giờ làm được đó là đến đúng giờ.

Question 25: Đáp án C

appear to V: có vẻ như

Nếu phủ định ta thêm NOT vào trước TO

Dịch nghĩa: Họ có vẻ không biết chuyện gì đang xảy ra.

Question 26: Đáp án B

deserve to V: xứng đáng làm gì

Câu này là thể chủ động nên không dùng bị động "to be won"

Dịch nghĩa: Họ không xứng đáng chiến thắng.

Question 27: Đáp án D

urge somebody to V: giục ai làm gì

Ở đây có từ saw dễ nhầm, nhưng chỗ cần điền là bổ ngữ cho urge chứ không phải see.

Dịch nghĩa: Cảnh sát đang hối thúc bất cứ ai chứng kiến tai nạn thì liên hệ họ ngay lập tức.

Question 28: Đáp án A

Make somebody V: bắt ai làm gì

Nhưng ở bị động, to be made TO V: bị bắt làm gì

Dịch nghĩa: Chúng tôi bị bắt phải học chăm chỉ bởi giáo viên.

Question 29: Đáp án B

threaten to V: đe dọa sẽ làm gì

Dịch nghĩa: Không tặc đe dọa sẽ giết một hành khách mỗi giờ nếu nhu cầu của họ không được đáp ứng.

Question 30: Đáp án D

Ought to V: nên làm gì

Ở đây nhấn mạnh tính hoàn thành của sự việc, lẽ ra đến bây giờ họ đã phải đến rồi, nên ta dùng động từ nguyên mẫu không TO ở dạng hoàn thành HAVE Vpp